

Bản án số: **53/2026/HSPT**

Ngày: 30/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thanh Tú

+ Các Thẩm phán: Bà Chủ Phương Ngọc

Ông Lê Quang Chiều

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Từ Khánh Duy - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thuý Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 957/2025/HSPT ngày 16/12/2025 do có kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 207/2025/HSST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Ngọc D (tên gọi khác: Không), sinh năm 1993 tại thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; ĐKNKT và chỗ ở: Tổ B phường T, quận L, (nay là phường V), thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Ngọc C (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Thanh S, sinh năm 1966; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 02; Có Vợ là: Nguyễn Thu M, sinh năm 1994; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2024; D1 chỉ bản số 967 lập ngày 29/7/2025; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên toà.

Trong vụ án còn có người bị hại là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1 – Chi nhánh H1 không có kháng cáo, kháng nghị và không có liên quan đến nội dung kháng cáo nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH một thành viên C1 (gọi tắt: Công ty C1) là doanh nghiệp tư nhân; có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp, mã số doanh nghiệp C2; có vốn điều lệ 112.500.000.000 đồng;

hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát trên nền tảng công nghệ. Chủ sở hữu là Công ty TNHH T; người đại diện theo pháp luật là ông Lưu Hy V. Công ty C1 có chi nhánh tại Hà Nội; trụ sở tại tầng 26, tháp C, tòa nhà C, số B đường T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội do bà Hoàng Thị Thu H làm Giám đốc.

Công ty C1 – Chi nhánh H1 ký kết Hợp đồng lao động đối với Phạm Ngọc D trong thời hạn 01 năm (từ 01/5/2024 đến 30/4/2025). Theo nội dung Hợp đồng lao động đã ký kết, Phạm Ngọc D làm việc với chức vụ là nhân viên giao nhận của Công ty T1, địa chỉ: số A đường N, phường T, quận L, thành phố Hà Nội. Nhiệm vụ của D là nhận các bưu gửi tại bưu cục của Công ty M1 đi giao cho người nhận và thu tiền hàng cùng phí vận chuyển (COD) từ người nhận, sau đó phải nộp lại số tiền thu hộ về Bưu cục vào cuối mỗi ca làm việc theo đúng quy định. D là người chịu trách nhiệm quản lý đối với toàn bộ số bưu kiện đã được phân công đem đi giao và số tiền thu hộ của khách hàng. Sau khi được tuyển dụng vào làm hợp đồng tại Công ty C1, D đều đã được học tập và phổ biến về nhiệm vụ, trách nhiệm, các quy định, quy trình liên quan đến công việc tại Bưu cục.

Quá trình làm việc, Phạm Ngọc D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền thu hộ của một số đơn hàng có giá trị cao, thuộc quyền quản lý được giao. Do vậy, sau khi giao hàng thành công và thu tiền từ khách nhận, D không cập nhật trạng thái đã giao hàng thành công đối với một số đơn hàng có giá trị cao, mục đích đánh lừa nhân viên của bưu cục về việc đơn hàng chưa giao thành công để không phải nộp tiền về bưu cục theo quy định, sau đó chiếm đoạt số tiền hàng này.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, từ ngày 11/11/2024 đến ngày 16/11/2024, Phạm Ngọc D đã nhận 18 đơn hàng giá trị cao từ Bưu cục để đem giao cho khách. D đã giao và thu tiền của 18 đơn hàng trên (hình thức thu tiền là nhận tiền mặt và nhận tiền chuyển khoản từ các khách hàng chuyển khoản vào số tài khoản số 1241381180 của D mở tại ngân hàng TMCP Đ - B) với tổng số tiền là 112.804.230 đồng. Sau đó, D không cập nhật lên hệ thống trạng thái đã giao hàng thành công mà chiếm đoạt và sử dụng số tiền trên để chi tiêu cá nhân, không nộp về bưu cục theo quy định. Đến ngày 17/11/2024, D mới cập nhật “giao hàng thành công” đối với 18 đơn hàng lên hệ thống, cụ thể:

* Ngày 11/11/2024, D đã chiếm đoạt số tiền thu hộ (COD) của 05 đơn hàng tương ứng với số tiền 84.115.000 đồng:

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 802508199836 trị giá 6.555.000 đồng. Sau khi giao, nhận hàng thành công người nhận đã chuyển khoản số tiền 6.555.000 vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán tiền đơn hàng này.

- Đối với 03 đơn hàng có các mã vận đơn 842541744993, 842541733288 và 842540489771 với tổng trị giá 70.560.000 đồng. Sau khi giao, nhận hàng thành công, người nhận đã thanh toán chuyển khoản số tiền 10.560.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán tiền đơn hàng có mã vận đơn 842541744993. Đối với 02 đơn hàng còn lại (mã vận đơn 842541733288 và 842540489771) khách hàng này đã thanh toán tiền mặt 60.000.000 đồng trực tiếp cho D.

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 842541674658 trị giá 7.000.000 đồng. Sau khi giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán đơn hàng này.

* Ngày 13/11/2024, D đã chiếm đoạt số tiền thu hộ (COD) của 06 đơn hàng tương ứng với số tiền 21.089.000 đồng:

- Đối với 04 đơn hàng có các mã vận đơn 851158390983, 851178350983, 851178380983 và 851158350983 với tổng trị giá: 6.222.960 đồng. Sau khi giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 6.223.000 đồng thanh toán tiền các đơn hàng nói trên vào tài khoản ngân hàng của D.

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 851112803763 trị giá 1.051.380 đồng. Sau khi giao, nhận hàng thành công người nhận đã chuyển khoản số tiền 1.052.000 đồng đến tài khoản của D để thanh toán tiền đơn hàng này.

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 842541567994 trị giá 13.670.000 đồng. Sau khi giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 13.814.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán tiền của đơn hàng này.

* Ngày 14/11/2024, D đã chiếm đoạt số tiền thu hộ (COD) của 02 đơn hàng tương ứng với số tiền 2.605.000 đồng:

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 851158340983 trị giá 1.555.740 đồng. Sau khi giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 1.556.000 đồng thanh toán tiền các đơn hàng nói trên vào tài khoản ngân hàng của D.

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 802509842077 trị giá 1.049.000 đồng. Sau khi giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 1.049.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán tiền đơn hàng này.

* Ngày 15/11/2024, D đã chiếm đoạt số tiền thu hộ (COD) của 04 đơn hàng tương ứng với số tiền 4.942.000 đồng:

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 802510918281 trị giá 2.130.000 đồng. Sau khi giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 2.130.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán tiền đơn hàng này.

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 851111821503 trị giá 1.423.000 đồng. Sau khi giao giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 1.423.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán tiền đơn hàng này.

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 802510162437 trị giá 1.270.000 đồng. Sau khi giao giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 1.270.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán tiền đơn hàng này.

- Đối với 01 đơn hàng có mã vận đơn 851108793583 trị giá 118.150 đồng. Sau khi giao giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 119.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán tiền đơn hàng này.

Ngoài ra, ngày 16/11/2024, D còn chiếm đoạt số tiền thu hộ (COD) của 01 đơn hàng (mã vận đơn 851110788433) trị giá 199.000 đồng. Sau khi giao giao, nhận hàng thành công, người nhận đã chuyển khoản số tiền 200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D để thanh toán tiền đơn hàng này:

Tổng số tiền thu hộ (COD) D đã nhận thanh toán của các khách hàng từ ngày 11/11/2024 đến ngày 16/11/2024 đối với 18 đơn hàng là: 112.950.000 đồng. Về sự chênh lệch giữa số tiền D đã nhận thanh toán của các khách hàng 112.950.000 đồng với bản kê chi tiết số tiền chiếm đoạt do Công ty cung cấp là 112.804.230 đồng, Phạm Ngọc D giải thích là do khi thanh toán tiền hàng có một số khoản tiền lẻ là tiền đồng nên khách hàng chuyển tròn thành tiền nghìn nên có sự chênh lệch này.

Ngày 14/01/2025, Công ty C1 – Chi nhánh H1 đã gửi “Đơn tố giác tội phạm”, tố giác hành vi nêu trên của Phạm Ngọc D đến Công an quận L, thành phố Hà Nội.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 207/2025/HSST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội Tham ô tài sản.

Căn cứ vào: điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Ngọc D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về vấn đề bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, trong đơn kháng cáo ngày 6/11/2025, bị cáo D kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xuất trình bổ sung tài liệu về việc bố bị cáo là thương binh hạng 3/4 và đã chết; gia đình bị cáo có người thân có công với Cách mạng; đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: Kháng cáo của bị cáo là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm các tài liệu mới có căn cứ xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt nhưng không chấp nhận cho hưởng án treo, sửa phần quyết định hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 207/2025/HSST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội: “Tham ô tài sản”.

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạm Ngọc D 03 năm 06 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Lời nói sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có người tham gia tố tụng có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn kháng cáo và đúng về chủ thể kháng cáo nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Ngọc D tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng vị trí là nhân viên giao, nhận, trả các đơn hàng và thu tiền các đơn hàng (giao thành công) cho khách hàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C1 - Chi nhánh H1, từ ngày 11/11/2024 đến ngày 16/11/2024 Phạm Ngọc D đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng số 18 đơn hàng có tổng trị giá là 112.804.230 đồng, trong đó có 08 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các đơn hàng có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên, 10 lần còn lại bị cáo chiếm đoạt tiền thu hộ của các đơn hàng có giá trị từ 118.150 đồng đến 1.555.740 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Ngọc D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*”. Tội danh và hình phạt quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung hình phạt là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng dưới 500.000.000 đồng*”. Toà án nhân dân khu vực 5, thành phố Hà Nội xét xử bị cáo Phạm Ngọc D theo tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu mới gồm: tài liệu xác định bố đẻ bị cáo khi còn sống là thương binh hạng 3/4, bị thương khi thực hiện rà phá bom mìn trong chiến tranh biên giới V1 năm 1979, có đóng góp xương máu cho Cách mạng; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố mất sớm, mẹ nghỉ hưu mất sức phải nuôi chị gái bị cáo bị bệnh Lupus ban đỏ có hệ thống; vợ bị cáo không có việc làm, gia đình bị cáo đang phải nuôi 02 con nhỏ. Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu xuất trình mới của bị cáo có căn cứ xem xét áp dụng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy mức hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo đã tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm được tình tiết mới chưa xuất trình và được xem xét tại cấp sơ thẩm nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm tội có tính chất nghiêm trọng, cần phải áp dụng hình phạt tù giam mới tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội nên không có căn cứ chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 207/2025/HSST ngày 31/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, thành phố Hà Nội, cụ thể:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc D phạm tội: “Tham ô tài sản”.

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 353, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: P (Bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí

hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA, VKSND, THADS,
TAND KV 5, TP Hà Nội.
- VKSND TP Hà Nội;
- Bị cáo; BH
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

